

# VĂN BẢN VĂN HỌC

(Tiếp theo)

(1 tiết)

## I — MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Hiểu được đặc điểm về ý nghĩa của văn bản văn học và cá tính sáng tạo của nhà văn.

– Biết vận dụng kiến thức trên để đọc - hiểu văn bản văn học.

## II — NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

### 1. Nội dung và ý nghĩa của văn bản văn học

Trước đây, mỗi khi nói tới tác phẩm văn học, người ta đều nói tới nội dung và hình thức. Về mặt triết học, nội dung là tổng hoà mọi yếu tố làm nên sự vật, còn hình thức là sự tổ chức, liên kết các yếu tố làm nên sự vật đó. Về mặt mỹ học, có thể hiểu nội dung là cái chứa đựng ở bên trong, còn hình thức là cái biểu hiện ra bên ngoài của nội dung đó. Người đọc qua hình thức mà nắm bắt nội dung. Đối với văn bản văn học, xét từ góc độ là phương tiện giao tiếp, mối quan hệ nội dung và hình thức biểu hiện thành quan hệ giữa cái được biểu đạt và cái biểu đạt, ý nghĩa và văn bản<sup>(1)</sup>.

Như vậy, tất cả những gì do văn bản gợi lên cho người đọc đều là ý nghĩa. Tuy nhiên, ở văn bản văn học, ý nghĩa của ngôn từ chuyển thành hình tượng. Hình tượng là phương tiện giao tiếp, do đó ý nghĩa của hình tượng chính là ý nghĩa của văn bản văn học.

2. Lâu nay thông thường khi nói tới hình tượng là người ta nghĩ tới hình tượng nhân vật (hình tượng Thuý Kiều, lão Hạc, Dế Mèn,...) hay hình tượng sự vật (ví dụ hình tượng rừng xà nu, hình tượng nhà rông,...). Đó là cách hiểu hẹp. Theo cách hiểu đầy đủ thì hình tượng là toàn bộ thế giới đời sống do ngôn từ gợi nên. Ví dụ toàn bộ cảnh tượng hiện lên trong bài *Qua Đèo Ngang* với rất nhiều chi tiết (cây cỏ, chú tiểu hái củi, lều chợ, tiếng chim, trời, non nước) và hoạt động của nhà thơ (bước tới, dừng chân) đều là hình tượng trong bài thơ.

---

(1) Xem : M. Ka-gan, *Giáo trình mỹ học* (bản dịch), NXB Đại học Bắc Kinh, 1990, tr. 435.

3. Các yếu tố đề tài, chủ đề, cảm hứng, tính chất thẩm mỹ, triết lí nhân sinh trong văn bản văn học chính là các lớp ý nghĩa của văn bản văn học. SGK chỉ có thể trình bày rất khái quát.

- Đề tài : trả lời câu hỏi "Viết cái gì ?", chỉ hiện tượng đời sống được miêu tả.
- Chủ đề : trả lời câu hỏi "Viết nhằm nói lên vấn đề gì ?".
- Cảm hứng : sự biểu lộ tình cảm yêu, ghét, châm biếm, ngợi ca,...
- Tính chất thẩm mỹ : sự thể hiện các giá trị thẩm mỹ (bi, hài, bi tráng, hoành tráng,...).
- Triết lí nhân sinh : quan niệm chung về cuộc đời, về con người ; thái độ bi quan, lạc quan, niềm tin, quan niệm đạo đức,...

Vấn đề là các lớp ý nghĩa này chỉ được biểu hiện ra, mà không được nói rõ trong văn bản. Chúng do người đọc (người đọc nói chung, nhà phê bình, GV, HS,...) cảm nhận và khái quát nên, bởi vậy có thể khác nhau. Mỗi sự khái quát ý nghĩa đều là một hoạt động sáng tạo của người đọc. Tuy nhiên, khái quát đúng mới là sáng tạo thật. GV chọn những khái quát có sức thuyết phục, phù hợp với *sự biểu đạt của văn bản* và hướng dẫn cho HS tập khám phá, khái quát sáng tạo các lớp ý nghĩa này cho chính xác, thoả đáng.

Cũng do các lớp ý nghĩa này được người đọc cảm nhận và khái quát cho nên chúng có phần phụ thuộc vào chủ quan của người đọc. Không ít người có xu hướng tán rộng ra, nâng cao lên một cách tùy tiện, đi xa thực tế văn bản. Yêu cầu khoa học là mọi sự khái quát phải phù hợp với lô gích biểu đạt của văn bản, với toàn bộ sáng tác của nhà văn, với truyền thống văn hoá dân tộc trong văn học.

#### 4. Cá tính sáng tạo của nhà văn

Đây là một vấn đề khó và phức tạp. Ở đây chỉ yêu cầu HS thấy được văn bản nghệ thuật phải có dấu ấn cá tính sáng tạo độc đáo của nhà văn.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

#### 1. Phần mở đầu

GV nêu lại các đặc điểm của văn bản văn học đã học ở tiết trước và giới thiệu nội dung của tiết học này.

#### 2. Phần tổ chức dạy học

Tiết trước đã học các đặc điểm về ngôn từ và hình tượng, tiết này học tiếp đặc điểm về ý nghĩa của văn bản văn học và cá tính sáng tạo của nhà văn.

– *Đặc điểm về ý nghĩa*

Mục này GV cần làm rõ cho HS ba ý sau :

+ Ý nghĩa là những gì văn bản văn học gợi lên cho người đọc. GV ghi câu thơ của Nguyễn Du lên bảng và hỏi HS về ý nghĩa của chúng : Có phải câu thơ chỉ là thông báo về mùa xuân hay không ? Cho HS đọc cảm nhận của nhà văn Nguyễn Đình Thi để HS trao đổi và đi đến kết luận : Ý nghĩa của hình tượng là những gì nó gợi lên cho người đọc.

GV có thể nêu câu hỏi : Ý nghĩa đó từ đâu mà có ? Thực chất ý nghĩa đó là gì ?

Sau khi HS trao đổi, GV cần chốt lại : Đó là ý nghĩa của các hiện tượng đời sống được nhà văn khái quát và gửi gắm vào hình tượng.

+ Cách thể hiện của ý nghĩa trong văn bản văn học

Ý nghĩa của văn bản văn học thể hiện qua nhân vật, sự kiện, cảnh vật, chi tiết, qua sự sắp xếp, kết cấu và qua cách sử dụng ngôn từ. Các vấn đề này sẽ được nêu thêm ở bài *Đọc - hiểu văn bản văn học*. Ở đây chỉ nêu qua một ví dụ. Chẳng hạn, phân kết của văn bản, một yếu tố của kết cấu (văn bản nào cũng có phần mở đầu và phần kết thúc) có tác dụng thể hiện ý nghĩa của văn bản như SGK đã nêu. GV có thể nêu thêm ví dụ tương tự để HS trao đổi và GV chốt lại. Ví dụ, GV đặt câu hỏi cho HS : Nếu kết thúc đoạn trích *Chiến thắng Mtao Mxây* mà Đăm Săn thua thì ý nghĩa của đoạn trích sẽ thay đổi thế nào ? Hoặc đọc nhan đề *Chiến thắng Mtao Mxây* có thể dự đoán rằng khi kết thúc Đăm Săn thua được không ? GV có thể hỏi : Kết thúc đoạn trích *Ra-ma buộc tội*, hành động Xi-ta bước vào giàn lửa nói lên điều gì ?

+ Các lớp ý nghĩa của văn bản văn học

Để phân tích ý nghĩa của hình tượng, ta phân chia thành các lớp ý nghĩa :

*Đề tài* là phạm vi, hiện tượng đời sống được thể hiện trong văn bản văn học. GV nêu câu hỏi : hình tượng văn học thường cụ thể, cá biệt (ví dụ Đăm Săn, An Dương Vương, lão Hạc), vậy đề tài thể hiện như thế nào ? Có thể trả lời : Mỗi nhân vật tiêu biểu cho một hiện tượng đời sống : Đăm Săn – tù trưởng giàu mạnh ; An Dương Vương – ông vua Âu Lạc để mất nước ; lão Hạc – người nông dân bất hạnh. Đề tài trả lời câu hỏi : "Văn bản viết cái gì ?".

*Chủ đề* là vấn đề xuyên suốt của văn bản, là phương diện được tác giả tập trung thể hiện qua hình tượng bằng những chỗ lặp đi lặp lại, chỗ nhấn mạnh.

Theo những biểu hiện đó thì có thể hiểu được chủ đề của đoạn trích *Chiến thắng Mtao Mxây* như đã nêu trong SGK.

Lưu ý : Do văn bản văn học là thế giới đa diện, cho nên một văn bản văn học ngoài đề tài chính, chủ đề chính còn có thể có các đề tài phụ, chủ đề phụ.

Các lớp ý nghĩa khác :

*Cảm hứng* : niềm say mê mãnh liệt của người viết đối với tư tưởng của mình, biểu hiện thành một tình cảm chủ đạo, chi phối các tình cảm khác, như ca ngợi, tố cáo, chế giễu, thương cảm,...

*Tính chất thẩm mỹ* là những tính chất như cái đẹp, cái hùng, cái cao cả, cái bi, cái hài được thể hiện trong hình tượng. Ở đây, chỉ nêu một số biểu hiện. Ví dụ ở đoạn trích *Chiến thắng Mtao Mxây* có cái đẹp (thể hiện trong đồ vật, trang phục), cái hùng (hành động anh hùng, dũng cảm của Đăm Săn) và cái hài (những thái độ, lời nói giễu cợt đối với Mtao Mxây). Ở *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy* có cái bi (cảnh nước mất, nhà tan, cha giết con, Trọng Thủy chết,...). Ở đoạn trích *Lời tiễn dặn* cũng có cái bi (thể hiện ở những lời nói buồn thảm, đau xót). Ở đoạn trích *Uy-lít-xơ trở về* và *Ra-ma buộc tội* có cái cao cả (tư thế uy nghi, hành vi thận trọng, lời nói trang nghiêm của các nhân vật).

*Triết lí nhân sinh* là lớp ý nghĩa sâu nhất của văn bản. Ví dụ : triết lí trong truyện cổ tích *Tấm Cám* là thiện thắng ác, "ác giả ác báo". Mẹ con Cám hại người và tự chuốc lấy tai vạ. Cô Tấm "ở hiền gặp lành" cuối cùng được hưởng hạnh phúc.

Lưu ý : Các lớp ý nghĩa tiềm tàng trong hình tượng, do người đọc cảm nhận và khái quát lên thành các nhận định. Các nhận định có thể khác nhau và không bao giờ nói hết được ý nghĩa của hình tượng. Trong hình tượng bao giờ cũng còn những điều người đọc không hiểu hết.

– *Đặc điểm về cá tính sáng tạo của nhà văn*

+ Văn bản văn học do tác giả viết (hay kể ra) nên mang dấu ấn tác giả. Vì không có tác giả thì không có văn bản. GV nêu câu hỏi : "Văn học dân gian có dấu ấn tác giả không ?" và gợi ý cho HS trả lời : Vì truyền miệng nên không còn dấu ấn cá nhân nữa, nhưng vẫn có dấu ấn của vùng, miền : ca dao miền Bắc khác ca dao miền Trung, miền Nam.

Văn học viết do cá nhân sáng tác nên đều có dấu ấn riêng. Tuy nhiên, chỉ những nhà văn tài năng, giàu cá tính sáng tạo mới có được những nét nghệ thuật độc đáo (ví dụ : thơ Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, Tố Hữu, văn Nam Cao, Nguyễn Tuân,...).

GV nói qua, không dừng lại phân tích về cá tính sáng tạo của nhà văn. (Đến lớp 12 sẽ có bài riêng về phong cách nhà văn).

+ Ý nghĩa của cá tính sáng tạo là ở chỗ làm cho văn học đa dạng. Văn học không chấp nhận sự sáo mòn. Cá tính sáng tạo làm nên sự đa dạng, thoả mãn nhu cầu thưởng thức của người đọc.

### 3. Gợi ý phân Luyện tập

**Bài tập 1.** Ý nghĩa của văn bản văn học khác với ý nghĩa của một lời thông báo thông thường ở chỗ lời thông báo thiên về ý nghĩa tường minh ; ý nghĩa của văn bản văn học thường là hàm ẩn, ý ở ngoài lời, tức là ý nghĩa của hình tượng.

**Bài tập 2.** Phân tích các lớp ý nghĩa trong bài thơ *Ông đồ*.

– *Đề tài* : viết về một hiện tượng văn hoá đã mất. Chú ý câu kết : "Những người muôn năm cũ - Hồn ở đâu bây giờ?".

– *Chủ đề* : sự đổi thay của tình cảm xã hội (khách qua đường) đối với một hiện tượng văn hoá.

– *Cảm hứng* : sự tiếc nuối, lòng thương cảm đối với một giá trị đã mai một.

– *Tình cảm thẩm mỹ* : vẻ đẹp của một thời và nỗi buồn trước sự mất mát.

– *Triết lí nhân sinh* : cuộc đổi thay của xã hội tạo nên số phận của một hiện tượng văn hoá.

**Bài tập 3.** So sánh bài thơ *Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương với bài thơ *Qua Đèo Ngang* (Bà Huyện Thanh Quan), hoặc bài thơ *Đồng chí* (Chính Hữu) với *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* (Phạm Tiến Duật). Từ đó rút ra một vài nét nghệ thuật độc đáo thể hiện cá tính sáng tạo của tác giả.

Gợi ý :

#### *Qua Đèo Ngang*

- Nhớ nước, thương nhà
- Kín đáo, không nói lộ ra ngoài
- Cô đơn, ngậm ngùi
- Thiên về nỗi buồn hưng phế của triều đại.

#### *Bánh trôi nước*

- Thương thân
- Kín đáo, hàm ý oán đời bất công
- Biểu thị lòng chung thuỷ
- Thiên về cảm xúc thế sự.

**Nhận xét** : Hai nhà thơ với hai nỗi niềm : Bà Huyện Thanh Quan thương cảm trước sự hưng phế của lịch sử, còn Hồ Xuân Hương thương cảm về thân phận phụ nữ của mình. Hai người đều giàu nữ tính, nhưng Bà Huyện Thanh Quan là con người của triều đại, còn Hồ Xuân Hương là người phụ nữ đời thường.

### ***Đồng chí***

- Cảm nhận về tình đồng chí, một tình cảm mới mẻ hồi đầu kháng chiến chống thực dân Pháp
- Lòng thương cảm đối với cuộc sống thiếu thốn, ốm đau của đồng đội
- Tình cảm kín đáo, không lộ ra ngoài.

### ***Bài thơ về tiểu đội xe không kính***

- Niềm tin, quyết tâm chống Mĩ cứu nước của thế hệ thanh niên những năm sáu mươi, bảy mươi của thế kỉ XX
- Coi thường hiểm nguy, mưa bom bão đạn,...
- Tư tưởng, tình cảm biểu lộ ra lời.

*Nhận xét* : Hai nhà thơ đều giàu niềm tin vào lí tưởng, nhưng Chính Hữu đậm thắm, thích thơ hàm súc, cô đọng, để hình ảnh tự nói lên ; còn Phạm Tiến Duật trẻ trung, nhiều lời, sôi nổi.

### **4. Phân củng cố**

Văn bản văn học là một loại văn bản đặc biệt, có những đặc điểm riêng về ngôn từ, hình tượng, ý nghĩa và cá tính sáng tạo. Phải nắm vững các đặc điểm đó để đọc - hiểu văn bản văn học.